

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 6287/QĐ-UBND

Tri Tôn, ngày 28 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai địa chỉ tại khóm 2, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng  
Địa điểm: Thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

## ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai địa chỉ tại khóm 2, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 6080/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2074b/TTr-PTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

1. Bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai để thực hiện Công trình Đường vào Khu hành chính mới; Hạng mục San lấp mặt bằng tại thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là: **1.000.250.970** đồng, gồm các khoản sau đây:

- Bồi thường chi phí về đất: **658.172.080** đồng, cụ thể:

- |                                     |   |
|-------------------------------------|---|
| + Đất ở tại đô thị (ODT - Vị trí 1) | : 210,6 m <sup>2</sup> x 2.467.000 đ/m <sup>2</sup> = 519.550.200 đ |
| + Đất ở tại đô thị (ODT - Vị trí 2) | : 89,4 m <sup>2</sup> x 1.480.200 đ/m <sup>2</sup> = 132.329.880 đ  |
| + Đất trồng cây lâu năm (CLN)       | : 48,4 m <sup>2</sup> x 130.000 đ/m <sup>2</sup> = 6.292.000 đ      |



- Bồi thường chi phí về nhà và vật kiến trúc: **186.409.858** đồng.

+ Nhà ở (Loại 3.2)	:	49,2 m <sup>2</sup> x 3.437.680 đ/m <sup>2</sup>	= 169.133.856 đ
+ Bậc tam cấp lát gạch ceramic	:	3,42 m <sup>2</sup> x 339.000 đ/m <sup>2</sup>	= 1.159.380 đ
+ Sân nền láng xi măng	:	27,82 m <sup>2</sup> x 64.171 đ/m <sup>2</sup>	= 1.785.237 đ
+ Tường bó nền gạch ống dày 200	:	2,88 m <sup>3</sup> x 1.488.832 đ/m <sup>3</sup>	= 4.287.836 đ
+ Tường gạch ống dày 200, tô 2 mặt	:	0,22 m <sup>3</sup> x 1.488.832 đ/m <sup>3</sup>	= 333.498 đ
+ Tô tường 2 mặt	:	2,24 m <sup>2</sup> x 83.110 đ/m <sup>2</sup>	= 186.166 đ
+ Dale bê tông đúc sẵn	:	1,52 m <sup>2</sup> x 123.300 đ/m <sup>2</sup>	= 187.416 đ
+ Tường rào lưới B40 (Loại 5)	:	25,05 m <sup>2</sup> x 277.000 đ/m <sup>2</sup>	= 6.938.850 đ
+ Bàn thông thiên ốp gạch ceramic	:	1,00 trụ x 640.618 đ/trụ	= 640.618 đ
+ Điện kế ở đô thị	:	1,00 cái x 1.295.000 đ/cái	= 1.295.000 đ
+ Thủy lực kế ở đô thị	:	1,00 cái x 462.000 đ/cái	= 462.000 đ

- Bồi thường chi phí về cây trồng: **9.704.000** đồng.

+ Mít (Loại A)	:	2,00 cây x 1.440.000 đ/cây	= 2.880.000 đ
+ Xoài (Loại C)	:	1,00 cây x 600.000 đ/cây	= 600.000 đ
+ Đu đủ (Loại A)	:	4,00 cây x 195.000 đ/cây	= 780.000 đ
+ Đu đủ (Loại B)	:	4,00 cây x 112.000 đ/cây	= 448.000 đ
+ Khế (Loại A)	:	1,00 cây x 480.000 đ/cây	= 480.000 đ
+ Sầu đâu (Loại D)	:	4,00 cây x 150.000 đ/cây	= 600.000 đ
+ Chuối có buồng (Loại A)	:	8,00 cây x 80.000 đ/cây	= 640.000 đ
+ Chuối sắp trở buồng (Loại B)	:	72,00 cây x 38.000 đ/cây	= 2.736.000 đ
+ Chuối mới trồng (Loại C)	:	45,00 cây x 12.000 đ/cây	= 540.000 đ

- Bồi thường chi phí di chuyển chỗ ở: **5.000.000** đồng.

+ Thu hồi diện tích sàn từ 50m <sup>2</sup> trở xuống :	01 hộ x 5.000.000 đ/hộ	= 5.000.000 đ
---	------------------------	---------------

- Bồi thường chi phí tiền thuê nhà: **7.200.000** đồng.

+ Hộ có từ 04 nk trở xuống :	01 hộ x 1.200.000 đ/hộ/tháng x 06 tháng	= 7.200.000 đ
------------------------------	---	---------------

- Các chính sách hỗ trợ: **133.765.032** đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề (CLN)	:	48,4 m <sup>2</sup> x 300.000 đ/m <sup>2</sup>	= 14.520.000 đ
+ Hỗ trợ san lấp mặt bằng (San lấp đất)	:	462,0 m <sup>3</sup> x 128.236 đ/m <sup>3</sup>	= 59.245.032 đ
+ Hỗ trợ tự lo tái định cư	:	1,0 hộ x 60.000.000 đ/hộ	= 60.000.000 đ

2. Trường hợp hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai di dời, bàn giao mặt bằng trước thời gian quy định thì được khen thưởng: **15.000.000** đồng.

**Điều 2.** - Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1351/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tri Tôn.

- Hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai được nhận tiền bồi thường tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai có trách nhiệm phải di dời, giải phóng mặt bằng theo đúng thời gian quy định là 30 ngày của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Nếu không thống nhất với nội dung Quyết định này thì hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai nộp đơn khiếu nại tại Ban Tiếp công dân huyện Tri Tôn trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

- Trong khi chưa có Quyết định giải quyết khiếu nại thì hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai vẫn chấp hành Quyết định thu hồi đất, bàn giao đất theo đúng kế hoạch. Nếu quá thời hạn quy định theo thông báo của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mà hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai không chấp hành thì sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Chánh Thanh tra huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn và hộ ông (bà) Nguyễn Thị Tuyết Mai chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND-UBND huyện;
- Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện;
- Lãnh đạo VP;
- Phòng TN&MT;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Trí**